

Unit 4: When's your birthday?

Write the items below in English.



English	Vietnamese	English	Vietnamese
1.	tháng 1	18.	mùng 6
2.	tháng 2	19.	mùng 7
3.	tháng 3	20.	mùng 8
4.	tháng 4	21.	mùng 9
5.	tháng 5	22.	mùng 10
6.	tháng 6	23.	ngày 11
7.	tháng 7	24.	ngày 12
8.	tháng 8	25.	ngày 13
9.	tháng 9	26.	ngày 14
10.	tháng 10	27.	ngày 15
11.	tháng 11	28.	ngày 16
12.	tháng 12	29.	ngày 17
13.	mùng 1	30.	ngày 18
14.	mùng 2	31.	ngày 19
15.	mùng 3	32.	ngày 20
16.	mùng 4	33.	ngày 21
17.	mùng 5	34.	ngày 30